



TRIẾT LÝ NHÂN DÂN TRONG LỊCH SỬ VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ

TS. NGUYỄN THỊ HẢI VÂN*

1. Sức mạnh của dân tộc Việt Nam là sức mạnh của dân, của chủ nghĩa yêu nước. Dân, nói theo cách nói ngày nay là nhân dân, là toàn bộ dân cư, các nhóm xã hội được gắn kết với nhau bởi nền văn hoá chung, truyền thống lịch sử chung. Trong lịch sử, để bảo vệ được đất nước, dân tộc Việt Nam đã đề cao và phát huy sức mạnh của dân.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông thế kỷ XIII, Thượng hoàng Trần Thánh Tông cùng Hoàng đế Trần Nhân Tông đã chủ trì Hội nghị Diên Hồng nổi tiếng trong lịch sử để hỏi ý kiến các cụ bô lão: trước nguy cơ quân giặc áp sát nơi biên ải, Đại Việt nên hoà hay nên đánh. Nhà sử học Ngô Sĩ Liên chép: “Thượng hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, ban yến và hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão đều nói “đánh”, muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng”¹. Hội nghị Diên Hồng được xem như hội nghị dân chủ đầu tiên trong lịch sử nước nhà.

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn nói đến vai trò của dân trong bảo vệ Tổ quốc: “chúng chí thành

thành”² (dân chúng là lớp lớp thành trì giữ nước). Trước lúc lâm chung ngài dặn Vua Trần Anh Tông khi Nhà vua trẻ đến thăm lão quốc công và hỏi kế sách giữ nước nếu giặc phương Bắc âm mưu sang xâm chiếm lần nữa: “Khoan thư sức dân làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách để giữ nước”³.

Nhà chiến lược quân sự lỗi lạc, đại văn hào Nguyễn Trãi sinh thời đã “thấm” câu Nho giáo “quốc dĩ dân vi bản” (nước lấy dân làm gốc) ở hai biển cố của đất nước. Đó là sự thất bại của nhà Hồ và cuộc kháng chiến chống quân Minh, lập nên nhà hậu Lê.

Cha con vua Hồ Quý Ly mặc dù có những cải cách tiến bộ, có tài thao lược, huy động nhân tài vật lực gia tăng sức mạnh phòng thủ đất nước (đóng thuyền chiến, đúc súng thần công...) nhưng vì “chính sự phiền hà, để trong lòng dân oán hận”⁴ nên không giữ được xã tắc, rốt cuộc sau bảy năm ngắn ngủi vương triều nhà Hồ sụp đổ dưới ách ngoại bang.

* Học viện Hành chính quốc gia

Nếu ở biến cố thứ nhất, Nguyễn Trãi là người chứng kiến, thì ở biến cố thứ hai, ông là người can dự, nói theo ngôn từ ngày nay, là nhân vật chủ chốt, là một trong hai nhân vật chính yếu nhất dựng nên nhà hậu Lê. Mặc dù “Bình Ngô sách” nay không còn nhưng bằng việc lý giải nguyên nhân chống quân Minh thắng lợi trong “Bình Ngô đại cáo” có thể thấy tư tưởng trọng dân của Nguyễn Trãi: *“Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới / Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt ngào”*⁵. Không chỉ nhìn thấy sức mạnh vô địch của dân, chỗ thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân, trong những tác phẩm của ông còn toát lên tư tưởng vì dân, trọng dân, yêu dân, đồng thời khẳng định: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”. Tư tưởng trị quốc của ông rất rõ ràng: ông khuyên người kế vị nhà vua muốn trị quốc thì lấy đức mà cảm hoá lòng dân, thay vì tin vào mệnh trời.

Ở một chỗ khác, ông gửi gắm tới Nhà vua: “Hoà bình là gốc của nhạc... Dám mong bệ hạ rủ lòng yêu thương và chăm nuôi muôn dân, khiến cho thôn cùng xóm vắng không có một tiếng hờn giận oán sầu, đó tức là giữ được cái gốc của nhạc vậy”⁶.

Năm trăm năm sau, dân tộc Việt sinh ra người con thấm đẫm tinh thần trọng dân, vì dân của những bậc tiền bối như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi. Đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người về nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ đất nước.

Hồ Chí Minh nói: “Dân ta phải giữ nước ta/Dân là con nước, nước là

mẹ chung”, “nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁷. Thấm nhuần tư tưởng chỗ thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân của Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁸; “lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn ai hết, không ai chiến thắng được lực lượng đó”⁹. Người dặn dò cán bộ, đảng viên; phải gần gũi nhân dân, dựa vào lực lượng của nhân dân, xa rời dân thì tài tình mấy cũng không làm gì được. “Chúng ta phải yêu dân, kính dân, thì dân mới yêu ta, kính ta”¹⁰, vì vậy, nhất định phải “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công”¹¹.

2. Tư tưởng “quốc dĩ dân vi bản” (nước lấy dân làm gốc), “Dân vi bang bản, bản cố bang ninh” (Dân là gốc của nước, gốc vững thì nước yên) được Hồ Chí Minh “diễn nôm” cho mọi người dễ nhớ, dễ vận dụng: *“Gốc có vững cây mới bền / Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”*¹². Tuy nhiên, ở đây không chỉ thuần tuý là diễn giải dễ hiểu mà đã có sự nhận thức khác hơn, tiến bộ hơn so với Nho giáo về “dân”. Nếu trong quan niệm của Nho giáo, dân - trong quan hệ với vua - là tôi, là đối tượng để và được người cai trị thì trong quan niệm của Người: “gốc”/dân là trung tâm. Tất cả vì “gốc”, làm cho “gốc” vững vàng. Có vậy, quốc gia mới bền và trường tồn. *Dân là chủ*. Những người làm việc trong bộ máy nhà nước, từ chủ tịch nước trở xuống là đầy tớ của dân. Người kịch liệt lên án thói

quan cách mạng và luôn khẳng định: “Nước ta là nhà nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”¹³. Tư tưởng *dân là chủ* của Hồ Chí Minh có được là do Người đã tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của loài người trong xã hội phương Tây, tập trung nhất ở thuyết về Khế ước xã hội, học thuyết nhằm lý giải về nguồn gốc ra đời của nhà nước với ba đại biểu là J. Locke, Chales L. Montesquieu và J.J. Rousseu. Những thành quả của trào lưu Khai sáng là những tư tưởng để xây dựng nên bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1791 của nước Pháp cũng như bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ mà âm hưởng của chúng tác động mạnh mẽ đến bản Tuyên ngôn độc lập của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà năm 1945 do Hồ Chí Minh tuyên đọc.

Sự “suy rộng ra” của Hồ Chí Minh trong Tuyên ngôn Độc lập là nhằm tuyên bố “thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp”; “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành nước tự do, độc lập”. Đó là đối ngoại. Về đối nội, đó là sự xác định Việt Nam là một nước, trong đó người dân có quyền được sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, bình đẳng về quyền lợi.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, có ba điểm:

Thứ nhất, quan hệ giữa dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã đến với Quốc tế Cộng

sản, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin là vì Quốc tế Cộng sản ủng hộ phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa: “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức liên hiệp lại”. Người tìm thấy ở đó cảm nang để giải phóng dân tộc mình. Sau đó, sức hấp dẫn của mô hình XHCN của Liên Xô và Đông Âu, ảnh hưởng mạnh của Trung Quốc về xây dựng XHCN đã dẫn Việt Nam lựa chọn con đường đi lên CNXH. Nhưng mô hình xây dựng CNXH ở Việt Nam có đặc thù gì?

Chúng ta đều biết, sự hình thành các nước XHCN ở Liên xô và Đông Âu trước đây là kết quả của cuộc cách mạng vô sản với vũ khí của nó là đấu tranh giai cấp. Sau khi giành được chính quyền từ tay giai cấp tư sản bằng bạo lực cách mạng thì chính quyền vô sản vẫn tiếp tục sử dụng công cụ ấy, vũ khí đấu tranh giai cấp, để xây dựng XHCN.

Học thuyết về đấu tranh giai cấp là hòn đá tảng trong lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác. Nhưng khi vận dụng học thuyết này vào hoàn cảnh cụ thể của phương Đông, của Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy thực tiễn ở đây không giống như ở phương Tây. Ở đây, “nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì xa hoa; nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ bóc lột của họ là máy móc”, “những kẻ mà ở đó được coi là địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùng tên với họ ở châu Âu và châu Mỹ” còn “những tên trọc phú ở đó thì ở đây

chỉ là những kẻ thực lợi khá giả thôi". Vì thế ở đây đấu tranh giai cấp không diễn ra khốc liệt như ở phương Tây mà ở đây "sự xung đột quyền lợi của họ được giảm thiểu"¹⁴.

Thừa nhận đấu tranh giai cấp là động lực để giải phóng xã hội, giải phóng dân tộc nhưng Nguyễn Ái Quốc còn nhận thấy động lực to lớn nhất, cơ bản nhất của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chính là chủ nghĩa dân tộc. Trong Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã nói đến vai trò to lớn của chủ nghĩa dân tộc trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Báo cáo chỉ ra rằng: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước", rằng cần phải "phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản" và rằng: "Giờ đây người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ"¹⁵. Động lực vĩ đại đó đã làm nên Cách mạng tháng Tám năm 1945. Tiếp đó, thắng lợi của "chín năm kháng chiến thánh thần" chống thực dân Pháp.

Giành được độc lập dân tộc để xây dựng xã hội mới được Đảng ta xác định là XHCN. Năm 1946, ngay khi mới giành được độc lập, Hồ Chí Minh đã mong ước nước Việt Nam "trở nên vẻ vang", "dân tộc Việt Nam... sánh vai với các cường quốc năm châu"¹⁶. Tư tưởng "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước" trong xây dựng xã hội mới đã được Hồ Chí Minh định nghĩa về CNXH: "Chủ nghĩa xã hội là làm

sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xoá bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội"¹⁷. Chính yếu tố dân tộc, chủ nghĩa dân tộc chân chính làm nên sự khác biệt trong mô hình xây dựng CNXH Việt Nam. Điều này cũng từng được minh chứng qua thực tiễn thành công cũng như sai lầm khuyết điểm trong xây dựng CNXH ở nước ta những năm qua. Đây là một hướng mà hiện nay những người làm công tác tổng kết kinh nghiệm xây dựng CNXH của Việt Nam cần lưu tâm đến.

Thứ hai, quan hệ giữa dân với Đảng.

Trong Di chúc của Người ghi rõ: "Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân"¹⁸. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam nêu: Đảng "đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc"¹⁹.

Nhân dân là những ai? Người định nghĩa: "Nhân dân là bốn giai cấp, công, nông, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và những phần tử khác yêu nước"²⁰. Luận điểm đó đã được định hướng cho việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng có sự gắn bó máu thịt với giai cấp công nhân, nhân dân lao động

và toàn thể dân tộc trong mọi thời kỳ phát triển của đất nước. Người đã khẳng định: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”²¹. Hồ Chí Minh nói vậy không phải chỉ là sách lược mà lời nói đó thấm đượm tinh thần Đảng là của nhân dân Việt Nam, của toàn thể dân tộc Việt Nam. Đảng không có mục đích tự thân. Ngay khi chính quyền còn trong trứng nước, Người đã nhắc nhở, ngăn ngừa: “Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là công bộc của dân, nghĩa là gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải đè đầu dân...”²². “Việc gì lợi cho dân ta phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh”²³.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI của Đảng chính là thực hiện di huấn của Người. Để đảm bảo giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới, trước hết, phải làm cho Đảng thật sự tiên phong về đạo đức cách mạng, trong sạch về đội ngũ, chống lại những biểu hiện suy thoái đạo đức của một số cán bộ, đảng viên đang làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, làm mất lòng tin của nhân dân. Đồng thời, phải xây dựng Đảng thật sự tiên phong về trí tuệ. Đảng phải thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của mình để ngày càng gắn bó với dân hơn, tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc: Đảng lãnh đạo nhưng dân là chủ. Đảng cầm quyền nhưng mọi quyền lực

đều thuộc về nhân dân.

Thứ ba, thể chế hoá quyền lực của dân và quan hệ giữa dân với chính quyền.

Trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (ngày 3/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của chính quyền cách mạng: “Chúng ta phải có một bản *Hiến pháp dân chủ*. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng tốt cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội với chế độ phổ thông đầu phiếu”²⁴, để sớm có một nhà nước hợp hiến do nhân dân bầu ra. Cuộc Tổng tuyển cử trong cả nước đã được tiến hành chỉ bốn tháng sau ngày độc lập. Đây là một cuộc phổ thông đầu phiếu được tổ chức mạnh nhất, diễn ra sớm nhất, đưa lực lượng chính trị của nhân dân lên cầm quyền.

Một năm sau, tại Kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá I (diễn ra từ ngày 28/10 - 09/11/1946), đã thông qua bản *Hiến pháp* đầu tiên trong lịch sử nước ta. Điều 1 *Hiến pháp* năm 1946 tuyên bố: “Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt nòi giống, gái, trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”²⁵.

Với việc thông qua bản *Hiến pháp* năm 1946, Việt Nam chính thức xác nhận việc xây dựng nhà nước pháp quyền trong lịch sử.

Tư tưởng ấy, tinh thần của bản *Hiến pháp* 1946 đã được khẳng định trong những bản *Hiến pháp* năm 1959, 1980, 1992 và một lần nữa được đặc biệt nhấn mạnh trong *Hiến pháp* năm 2013, được Quốc hội khoá XIII thông qua ngày

28/12/2013: “Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực thuộc về nhân dân”²⁶. Tư tưởng này xuyên suốt nội dung của bản *Hiến pháp* sửa đổi, chỉ rõ nguồn gốc, bản chất, mục đích, sức mạnh của quyền lực nhà nước là ở nhân dân, thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước. Tư tưởng này được cụ thể hoá ở các nội dung chính sau:

Hiến pháp đã bổ sung đầy đủ hơn các hình thức nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước, ngoài hình thức dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, còn bằng các hình thức dân chủ trực tiếp, bằng trưng cầu dân ý, kể cả trưng cầu dân ý về *Hiến pháp*.

Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được đề cao, đưa lên vị trí trang trọng hàng đầu trong Chương II của bản *Hiến pháp*, khẳng định nguyên tắc nhà nước “công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội”²⁷. Đây là cơ sở pháp lý cao nhất để người dân bảo vệ và thực hiện quyền con người, quyền công dân của mình. Trên cơ sở đó, *Hiến pháp* quy định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, bổ sung một số quyền mới phù hợp với các công ước quốc tế về nhân quyền mà Nhà nước Việt Nam là thành viên.

Trong khi tiếp tục khẳng định mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội, *Hiến pháp* bổ sung một yêu cầu rất quan trọng của dân là: “Đảng gắn bó mật thiết với

nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình”²⁸.

Những tư duy chính trị pháp lý mới trên đây trong bản *Hiến pháp* năm 2013 là sự kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ - nguồn động lực vĩ đại để đưa đất nước ta phát triển cùng thời đại, thực hiện giấc mơ cao cả của Người là đưa Việt Nam sánh vai với các cường quốc năm châu □

Chú thích:

1. Đại Việt sử ký toàn thư. Tập 2, H. NXB. Khoa học xã hội, 2004, tr. 53.
- 2, 3. Trích “Thành trì lòng dân”, Lao động cuối tuần ngày 29/3/2013.
- 4, 5. Wikisource.org. Bình Ngô đại cáo.
6. Mạch nguồn thơ văn Nguyễn Trãi trong tác phẩm Hồ Chí Minh. Báo Quân đội Nhân dân, 07/3/2014.
- 7, 10, 15, 16, 22, 23. Hồ Chí Minh. Toàn tập, Tập 4, H. NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr. 56, 56 - 57, 466 - 467, 32, 55 - 66.
8. *Sdd*, Tập 8, tr. 276.
9. *Sdd*, Tập 2, tr. 262.
11. *Sdd*, Tập 10, tr. 607.
12. *Sdd*, Tập 5, tr. 409 - 410.
- 13, 21. *Sdd*, Tập 6, tr. 515, 175.
14. *Sdd*, Tập 1, tr. 464.
17. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. Tập 4, H. NXB Chính trị quốc gia, 2006, tr. 62.
18. *Sdd*, Tập 12, tr. 498.
19. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. H. NXB Chính trị quốc gia, 2006, tr. 4.
20. *Sdd*, Tập 7, tr. 219.
- 24, 25. *Hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980, 1982 và Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992)*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2003, tr. 11, 8.
- 26, 27, 28. Toàn văn *Hiến pháp 2013 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Báo Hà Nội mới, 29/11/2013.